

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 4 - 2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Liêu Bích Nga

Ông Trần Thanh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Li T, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Phố Đình, Khóm 004, thôn P, làng T, huyện Tr, Đài Loan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng H trình bày: Chị H và anh Li T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2019. Sau khi kết hôn chị và anh Li T chung sống với nhau được khoảng 10 ngày tại Bạc Liêu, sau đó anh Li T về Đài Loan. Từ khi kết hôn đến tháng 12 năm 2019, anh Li T sang Việt Nam thăm chị được 3-4 lần, mỗi lần chung sống với nhau từ 10-15 ngày thì anh Li T về lại Đài Loan. Trong những lần anh Li T sang Việt Nam thì có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan, nhưng chị do chị phỏng vấn không đạt nên từ tháng 12 năm 2019 đến nay, anh Li T không sang Việt Nam thăm chị nữa, từ đó đến nay mỗi

người ở một nơi, không còn sự quan tâm đến nhau, nên chị thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Li T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Li T: Sau khi thụ lý, Tòa án nhận được bản tự khai đề ngày 19/01/2021 của anh Li T, nội dung anh Li T xác định: Anh và chị Nguyễn Hồng H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2019. Anh Li T có làm thủ tục bảo lãnh chị H sang Đài Loan chung sống nhưng chị H phỏng vẫn không đạt, vợ chồng đã ly thân và hiện tại tình cảm vợ chồng không có, nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Hồng H và anh Li T kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận kết ngày 24/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện, do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau trong thời gian ngắn, anh Li T có làm thủ tục bảo lãnh chị H sang Đài Loan nhưng thủ tục bảo lãnh không được, mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H yêu cầu ly hôn, nên giải quyết cho anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng H, xử cho chị Nguyễn Hồng H được ly hôn với anh Li T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Li T là người nước ngoài, có quốc tịch Đài Loan và đang cư trú tại địa chỉ: Phố Đình, Khóm 004, thôn P, làng T, huyện Tr, Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, chị Nguyễn Hồng H nộp đầy đủ các văn bản ghi nhận ý kiến của anh Li T được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, nên Tòa án không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Li T theo quy định của pháp luật. Do anh Li T có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Li T.

[4] Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Hồng H, ngày 31/3/2021 chị có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị H là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Hồng H. Do vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng H và anh Li T, chị H xác định chị và anh Li T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy ngày 24/4/2019 đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng H và anh Li T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Nguyễn Hồng H có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị H và anh Li T chỉ chung sống với nhau trong một thời gian ngắn thì anh Li T về Đài Loan và đến nay anh Li T không sang Việt Nam nữa. Nay chị H xác định hôn nhân của chị và anh Li T không tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vì chị ở Việt Nam không sang Đài Loan được, còn anh Li T không quan tâm đến chị và không sang Việt Nam nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, theo đó thì giữa chị Nguyễn Hồng H và anh Li T đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị H và anh Li T không còn liên lạc với nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Hồng H, cho chị Nguyễn Hồng H được ly hôn với anh Li T.

[7] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Li T thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng H, xử cho chị Nguyễn Hồng H được ly hôn anh Li T; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí, chị Nguyễn Hồng H phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng H với anh Li T.

Xử cho chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1990 được ly hôn với anh Li T, sinh năm 1984.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Hồng H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0014972 ngày 06/01/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Hồng H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết; anh Li T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tp. Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Anh Tuấn**